TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Kim Thành

2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 8, ấp A, xã BĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Tổ 5, ấp AH, xã AH1, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn C, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 8, ấp A, xã BĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn C chung sống với nhau vào năm 2010, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Ngày cưới cha mẹ chồng có cho 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây 02 chỉ đều là vàng 24K, 01 lắc tay 1,5 chỉ vàng 18K, 01 cặp nhẫn cưới vàng 18K. Hiện số nữ trang trên anh C đã bán trả nợ không còn. Sau khi cưới, anh chị sống chung với cha mẹ ruột anh C tại ấp A, xã BĐ. Năm 2012, anh C cờ bạc thiếu nợ phải bán tài sản để trả nợ và chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở anh C cũng đến chung sống với chị. Đến tháng 9-2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm

trọng do anh C ham chơi, lại cờ bạc không quan tâm lo lắng cho vợ con. Chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh C không thay đổi mà kiếm chuyện cải vã với chị và anh bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian ly thân, anh C có về thăm con nhưng anh chị không bàn bạc hàn gắn cuộc sống gia đình và sau khi chị nộp đơn ly hôn anh C nhiều lần đến nhà gây sự cùng với cha mẹ ruột chị. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Phạm Ngọc H, sinh ngày 01-10-2011, hiện chị đang nuôi. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn C: Anh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chị N đã thực hiện đúng riêng anh C không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N; về con chung: Giao chị N được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, ghi nhận chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh C có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị chị N và anh C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị N yêu cầu ly hôn nguyên nhân, từ năm 2012 anh C cờ bạc thiếu nợ, chị phải bán tài sản để trả nợ và chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, anh C cũng về chung sống với chị. Đến tháng 9-2016 anh chị lại phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn, do anh C ham chơi, không quan tâm, chăm sóc cho vợ con và đam mê cờ bạc. Chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh C không thay đổi, anh bỏ về nhà cha mẹ ruột và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian ly thân, mặc dù anh C có đến thăm con nhưng không bàn bạc đoàn tụ. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình chứng tỏ anh C không có thiện chí đoàn tụ.

[3] Qua thu thập chứng cứ lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị G là mẹ ruột của chị N thể hiện anh C thường xuyên cờ bạc, cầm cố xe lấy tiền để cờ bạc, vì thương con nên vợ chồng bà đã nhiều lần đứng ra trả nợ thay cho anh C. Tháng 6-2016, chị N đi hợp tác lao động ở nước ngoài, còn anh C thì bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Chị N vẫn thường xuyên gửi tiền về cho anh C. Nhưng từ ngày chị N về nước tháng 9-2017, anh C cũng không về để vợ chồng chung sống. Sau khi chị N nộp đơn ly hôn, anh C thường xuyên đến nhà để gây sự, dùng từ ngữ thiếu tôn trọng bà.

Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị N và anh C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân, cháu H sống chung với chị N và được chị N cùng cha mẹ chăm sóc, giáo dục tốt. Hiện nay, chị N đang làm công nhân, có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện và khả năng để nuôi dạy cháu H thành niên và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và về nợ chung: Chị N khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh C có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Phạm Văn C. Chị N được ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Giao cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Ngọc H, sinh ngày 01-10-2011. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Châu cấp dưỡng nuôi con

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0012491 ngày 02-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã BĐ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui